

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+BK14+TD1	7:25	13+7+2	0+0+0		2+7+13	0+0+0	
2		RCDM+TD3+VSP02	7:25	2+3+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
3		RP3+RP2+VSP02	7:25	5+0+13	0+0+0		7+0+14	0+0+0	Chuyen 2 RP3- RP2
4		BK20+GTC1+CTK3	9:25	3+0+8	0+0+0		7+4+11	0+0+0	Chuyen 2 BK20- CTK3Chuyen 1 GTC1-CTK3
5		P5+MRM+BK10	9:25	2+10+5	0+0+0		1+12+9	0+0+0	
6		CTC1+CNV+BK9	9:25	7+7+7	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
7		CTK3+P2	11:25	22+0+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	BO BK6 THEM NGUOI VE P2

TTBDSX

- Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 2 người TT về từ TD1, đi CTK3 chuyển cuối
2/ Điều phái CTK3 đi/về ngồi ghế phụ

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2020	TO: VSP02 - BK14 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUAR YANDYAN	VSP02	77-78	2	17		90	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	79	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	SERGIENKO S.E	VSP02	82	1	7		80	KH-THAC	Russian
4	LE VAN HIEP	VSP02	44	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM TRUNG SONG	VSP02					90	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI DINH THINH	VSP02	73-74	2	17		70	MTDCO	Vietnamese
7	VU ANH TUAN	VSP02	72	1	10		75	MTDCO	Vietnamese
8	TRAN VAN DOANH	VSP02	71	1	5		65	VIET PHAT	Vietnamese
9	BODAN KARPENKO	VSP02	76	1	7		90	KH-THAC	Russian
10	HOANG NGOC DONG	VSP02	41-42	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	75	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NHAT MINH	VSP02	45	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG MINH	VSP02	43	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	AKOPOV	BK14	90	1	10		82	KH-THAC	Russian
15	LE ANH TUAN	BK14	97	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN CO	BK14	89	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG TUAN ANH	BK14	92	1	5	60	80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRUNG KIEN	BK14	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM DINH THANG	BK14	93-94	2	6		75	NIPI	Vietnamese
20	PHAM NGOC NINH	BK14	91	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	EREMEEV E.N	TD1	63	1	15	40	90	KHOAN	Russian
22	TRAN VAN TUYET	TD1	62	1	15		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

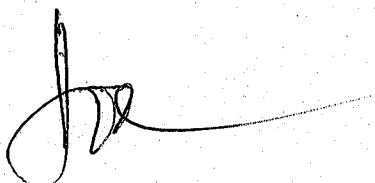
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	13	15	107	1.022	0	2		
2	BK14	7	8	41	515	60	7		
3	TD1	2	2	30	150	40	13		
TOTAL		22	25	178	1.687	100	22		
WEIGHT KG				178	1.687	100			

GRAND TOAL: 1.965 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RCDM - TD3 - VSP02	CREW: Hồi - N.Anh - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN THÀNH	RCDM	81	1	7	50	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	RCDM	80	1	12	40	62	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TÙNG	TD3	70	1	7		74	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC ANH	TD3	68-69	2	15		66	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ NGỌC TÂN	TD3	67	1	11		67	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	08	1	5	30	93	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	07	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	03	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	13	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	16	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	23	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	14-15	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	17	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ SĨ KHÔI	VSP02	10	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	06	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	20-22	3	20		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	09	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	11-12	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02	04-05	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	02	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	2	2	19	137	90	1		
2	TD3	3	4	33	207	0	0		
3	VSP02	17	21	117	1.192	30	21		
TOTAL		22	27	169	1.536	120	22		
WEIGHT KG				169	1.536	120			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP3 - RP2 - VSP02	CREW: Phong - VLinH - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG AN	RP3	56	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG THANH SƠN	RP3	25	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN ĐẠT	RP3	29-30	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH DŨNG	RP3	31-32	2	17	28	72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO ĐÌNH NHẬT MINH	RP3	27-28	2	14	60	80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	51	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	50	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	54	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	49	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN HUY	VSP02	57	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LINH	VSP02	53	1	5		50	YTE	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC TỰ	VSP02					78	PSV	Vietnamese
15	VÕ XUÂN TOÀN	VSP02	47	1	7		80	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	48	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	52	1	4		78	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	55	1	6		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	8	66	352	88	7	2	CHUYEN 2PAX TU RP3 SANG RP2
2	RP2	0	0	0	0	40	0		
3	VSP02	13	12	68	921	0	14		
TOTAL		18	20	134	1.273	128	21		
WEIGHT KG				134	1.273	128			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2020	TO: BK20 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THANH HOA	BK20	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO VIỆT HUNG	BK20	20	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LỢI	BK20	23	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG XUAN HIEU	CTK3	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VĂN TRI	CTK3	84	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC HUNG	CTK3	86-87	2	15	40	65	KH-THAC	Vietnamese
7	VU XUAN TRUC	CTK3	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN BẮC	CTK3					50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN HOANG SON	CTK3	91	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TIEN DUNG	CTK3	94	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	88-90	3	17		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	3	3	20	202	0	7	2	CHUYEN 2 PAX BK20 SANG CTK3
2	GTC1	0	0	0	0	0	4	1	CHUYEN 01 PAX TU GTC1 SANG CTK3
3	CTK3	8	10	52	524	40	11		LAI VAN SANG THAY CA CTK3 / + 1 N B V E
TOTAL		11	13	72	726	40	22		
WEIGHT KG				72	726	40			

GRAND TOAL: 838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: P5 - MRM - BK10	CREW: Hôi - N.Anh - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	31	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TÂN	P5	32-33	2	13		60	D-HANH	Vietnamese
3	DANG VIET CUONG	MRM	30	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUY	MRM	69	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
5	VO XUAN QUANG	MRM	68	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HAI	MRM	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC LAM	MRM	70	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THIN	MRM	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TAN DIEN	MRM	07-08	2	9		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG VUONG	MRM	10	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
11	LYMAR OLEG	MRM	71-73	3	8		71	KHOAN	Russian
12	HUYNH VU TINH	MRM	74	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN THOÀ	BK10	02	1	10	16	75	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN BÀ THUẬN	BK10	06-08	3	20	13	70	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN PHÚ	BK10	04-05	2	14		70	CODIEN	Vietnamese
16	HÀ HẠNH HOÀNG	BK10	01	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
17	MAI ĐÌNH KHANG	BK10	09-10	2	10		46	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	3	15	117	0	1		
2	MRM	10	13	71	657	0	12		
3	BK10	5	9	64	326	29	9		
TOTAL		17	25	150	1.100	29	22		
WEIGHT KG				150	1.100	29			

GRAND TOAL: 1.279 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: CTC1 - CNV - BK9	CREW: Phong - VLin - NNam	ETA: 11:30
Vang-2			

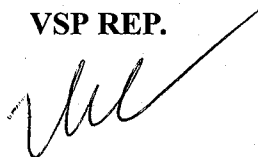
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUONG GIANG	CTC1	39	1	8		67	DVL	Vietnamese
2	KRAVTSOV ALEXANDR	CTC1	35-36	2	20		72	DVL	Russian
3	ĐINH VĂN ĐÔNG	CTC1	34	1	10		60	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐUNG	CTC1	33	1	13	83	58	DVL	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CƯỜNG	CTC1	37-38	2	20		81	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIẾU	CTC1	32	1	13		88	DVL	Vietnamese
7	ĐÔNG VĂN CƯỜNG	CTC1	30	1	7		59	GETRACO	Vietnamese
8	TRẦN ANH HÙNG	CNV	49	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	55	1	3	20	61	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN SƠN	CNV	56	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	50	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	51-52	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG HẢI	CNV	54	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THI	CNV	53	1	2		63	PSV	Vietnamese
15	LƯU VĂN SƠN	BK9					73	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ THẾ HẬU	BK9				68	69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU TRUNG	BK9	27-28	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO ĐỨC THẮNG	BK9	96	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM NHẬT MINH	BK9	97	1	13		61	CODIEN	Vietnamese
20	DƯƠNG HỮU THUẬN	BK9	95	1	9		67	CODIEN	Vietnamese
21	BUI ĐỨC KHANH	BK9					58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	7	9	91	485	83	4		
2	CNV	7	8	41	490	20	6		
3	BK9	7	5	45	473	68	12		
TOTAL		21	22	177	1.448	171	22		
WEIGHT KG				177	1.448	171			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

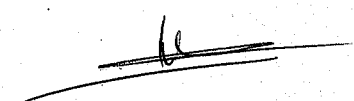
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: CTK3 - P2	CREW: Khang - HUNG - DTùng	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	39	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG	CTK3	84	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH NHỎ HOÀNG	CTK3	99	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3	94	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÝ BĂNG	CTK3	300	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NĂM	CTK3	41	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	83	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH HAI	CTK3	90	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN KHÁC THẮNG	CTK3	38	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	89	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỦ	CTK3	96	1	7	23	52	CODIEN	Vietnamese
14	LƯƠNG THUY DƯƠNG	CTK3	40	1	9		53	NIPI	Vietnamese
15	HOÀNG ANH TÚ	CTK3	46	1	9		76	NIPI	Vietnamese
16	ĐÌNH XUÂN TOÀN	CTK3					68	T-TIN	Vietnamese
17	ĐỖ TÂN PHO	CTK3	44	1	10	20	70	T-TIN	Vietnamese
18	PHAN TẤT THẮNG	CTK3	92	1	3		64	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	93	1	3		64	PSV	Vietnamese
20	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	CTK3	37	1	7		85	PSV	Vietnamese
21	LƯU VĂN KHUÔNG	CTK3	97-98	2	7		70	DK9	Vietnamese
22	PHẠM DUY CHUNG	CTK3	95	1	5		69	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	21	122	1.493	43	16	42	CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG P2
2	P2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	21	122	1.493	43	22		
WEIGHT KG				122	1.493	43			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN